

consisting of 5 treatments of 10-10, 10-104, 11-105, 8-33 and Catimor as control, have been implemented since 2008; Yields were observed from 2010 to 2013. The results showed that self-pollination clones of the F5 generation had an average yield from 2.15 to 2.45 tons of green bean/ha, higher than that of Catimor of 1.67 tons of green bean/ha. In that, the self-pollination clone of the F5 generation named 10-10 (THA1) had advantage characteristics such as short, compact canopy, high average yields at different sites (2.45 tons of green bean/ha). The ratio of bean/sieve size of N=0 16 was 84.8%. Weight of 100 beans was 17.3 g, improved coffee quality and very high resistance to leaf rust disease.

Key words: Arabica, self-pollination clones, yield, quality, F5

Ngày nhận bài: 29/2/2016

Ngày phản biện: 8/3/2016

Người phản biện: TS. Trương Hồng

Ngày duyệt đăng: 30/3/2016

KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM GIỐNG DỨA CAYEN H180 Ở MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC

Nguyễn Quốc Hùng¹, Đào Kim Thoà¹

TÓM TẮT

Giống dứa cayen H180 được nhập nội từ Australia và được Viện Nghiên cứu Rau quả đưa vào trồng khảo nghiệm ở Nghệ An và Ninh Bình từ năm 2008. Giống đã được trồng và đánh giá qua 4 vụ liên tục từ 2008 - 2011 tại Quỳnh Lưu - Nghệ An và 5 vụ trồng liên tục từ 2009 - 2013 tại Đông Giao - Ninh Bình. Ở các thời vụ trồng khác nhau, trong cùng một điều kiện chăm sóc, giống dứa cayen H180 sinh trưởng khỏe, các khoảng thời gian từ trồng đến đủ tiêu chuẩn xử lý ra hoa, từ xử lý đến ra hoa và thu hoạch quả ngắn hơn so với giống dứa cayen Trung Quốc. Ở cả hai điểm trồng khảo nghiệm, giống dứa cayen H180 cho năng suất cao, ổn định từ vụ quả thứ 2 với 72,9 - 74,9 tấn/ha, cao hơn so với giống dứa cayen Trung Quốc (61,0 - 64,0 tấn/ha). Các chỉ tiêu chất lượng quả tương tự hoặc cao hơn chút ít so với giống dứa cayen Trung Quốc. Hàm lượng chất khô và độ brix của giống dứa cayen H180 tại 2 điểm trồng đạt 17,35 - 17,47% và 15,47 - 16,28%, hàm lượng axit tổng số 1,55 - 1,62%, thấp hơn so với hàm lượng axit tổng số của giống dứa cayen Trung Quốc. Giống dứa cayen H180 sử dụng phù hợp cho cả cho ăn tươi và chế biến xuất khẩu.

Từ khóa: Dứa cayen H180, năng suất cao, ăn tươi, chế biến xuất khẩu, tỉnh Ninh Bình

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dứa là một trong các cây ăn quả xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đang được trồng tập trung ở một số tỉnh phía Bắc như Lào Cai, Ninh Bình và một số tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Cây dứa với ưu thế về khả năng thích ứng rộng, tiềm năng năng suất cao, có thể sử dụng cả cho ăn tươi và chế biến, xuất khẩu nên hiện đang được nhiều tỉnh quan tâm mở rộng diện tích trồng.

Ở các tỉnh phía Bắc, các giống dứa đang được trồng chủ yếu là hoa Phú Thọ, Na Hoa (thuộc nhóm dứa queen) và giống cayen Trung Quốc (thuộc nhóm dứa cayen), có chất lượng cao, hoặc phù hợp cho ăn tươi, hoặc phù hợp sử dụng cho chế biến. Tuy nhiên, năng suất dứa trên cả hai nhóm giống đều còn thấp, sản lượng chưa đáp ứng được yêu cầu cho các nhà máy chế biến dứa xuất khẩu, đặc biệt là vào các thời điểm trái vụ.

Việc nghiên cứu, tuyển chọn được các giống dứa mới có khả năng sinh trưởng khỏe, năng suất cao

và chất lượng quả tốt từ nguồn các giống dứa nhập nội để bổ sung vào cơ cấu các giống dứa đang được trồng, góp phần làm tăng năng suất và sản lượng dứa của cả nước nói chung và các tỉnh phía Bắc nói riêng là hết sức cần thiết.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu, thời gian, địa điểm nghiên cứu

- Vật liệu: giống dứa cayen H180 được nhập nội từ Australia và giống dứa cayen Trung Quốc đang được trồng phổ biến ở các tỉnh phía Bắc.

- Giống được trồng khảo nghiệm trong thời gian 2008 - 2011 tại Nhà máy dứa xuất khẩu huyện Quỳnh Lưu - Nghệ An; các năm 2009 - 2013 tại Công ty Thực phẩm xuất khẩu Đông Giao - tỉnh Ninh Bình.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thí nghiệm được trồng với mật độ 60.000 cây/ha; trồng theo hàng kép 4; mỗi giống là 1 công thức thí nghiệm với 500 cây/ô và nhắc lại 4 lần.

¹ Viện Nghiên cứu Rau quả

- Thí nghiệm được xử lý ra hoa bằng dung dịch đất đèn 2%.

- Các chỉ tiêu theo dõi: Thời gian từ trồng đến đủ tiêu chuẩn xử lý ra hoa, từ xử lý ra hoa đến ra hoa và từ xử lý ra hoa đến thu hoạch quả được theo dõi trên toàn bộ thí nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh giá yếu tố cấu thành năng suất: được đo đếm trên 30 cây/1 lần nhắc lại. Năng suất (tấn/ha) được cân toàn bộ sản lượng thu được của thí nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng quả được phân

tích tại phòng thí nghiệm – bộ môn Kiểm nghiệm chất lượng rau quả - Viện Nghiên cứu Rau quả.

- Số liệu được xử lý bằng chương trình IRRISTAT 5.0 và Excel.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Khả năng sinh trưởng của giống dưa cayen H180

Kết quả đánh giá khả năng sinh trưởng của giống dưa cayen H180 và giống cayen Trung Quốc được trình bày tại Bảng 1 và Bảng 2.

Bảng 1. Động thái tăng trưởng thân, lá của giống dưa H180 tại các điểm khảo nghiệm

TT	Địa điểm thí nghiệm và giống trồng	Động thái tăng trưởng thân lá sau trồng			
		6 tháng		12 tháng	
		Cao cây (cm)	Số lá (lá)	Cao cây (cm)	Số lá (lá)
1	Đồng Giao - Ninh Bình				
	Cayen H180	63,9 ± 4,1	23,9 ± 1,3	108,9 ± 6,7	41,5 ± 1,7
	Cayen Trung Quốc	62,9 ± 5,5	23,5 ± 2,5	97,1 ± 5,5	39,1 ± 1,5
2	Quỳnh Lưu - Nghệ An				
	Cayen H180	62,5 ± 6,1	24,2 ± 2,2	106,5 ± 6,1	40,9 ± 1,5
	Cayen Trung Quốc	61,7 ± 7,2	23,8 ± 1,8	98,5 ± 5,7	37,6 ± 1,7

Ghi chú: Số liệu thu được từ 2 vụ trồng năm 2008 và 2009.

Bảng 2. Độ dài các thời kỳ vật hậu của giống dưa H180 tại các điểm khảo nghiệm ở các vụ trồng năm 2008 và 2009

TT	Địa điểm thí nghiệm và giống trồng	Thời gian từ trồng đến đủ tiêu chuẩn xử lý ra hoa (ngày)	Thời gian từ xử lý đến ra hoa (ngày)	Thời gian từ xử lý ra hoa đến thu hoạch (ngày)
1	Đồng Giao - Ninh Bình			
	Cayen H180	345,5	39,2	153,6
	Cayen Trung Quốc	367,7	44,8	167,8
2	Quỳnh Lưu - Nghệ An			
	Cayen H180	348,6	38,7	150,5
	Cayen Trung Quốc	370,3	45,4	167,9

Ở thời điểm sau trồng 6 tháng, giống dưa cayen H180 ở cả hai điểm trồng đều có chiều cao cây và số lá gần như nhau và tương đương với giống dưa cayen Trung Quốc. Tại Đồng Giao - Ninh Bình, chiều cao cây đạt 63,9 cm, số lá đạt 23,9 lá/cây; tại Quỳnh Lưu - Nghệ An chiều cao cây đạt 62,5 cm, số lá đạt 24,2 lá/cây. Chiều cao cây và số lá tăng nhanh ở giai đoạn tiếp theo của chu kỳ sinh trưởng và ở thời điểm 12 tháng sau trồng, giống dưa cayen H180 có chiều cao cây và số lá đạt tương tự nhau ở cả 2 điểm trồng khảo nghiệm và đều cao hơn so với giống dưa cayen Trung Quốc.

Kết quả theo dõi thu được cho thấy, giống dưa cayen H180 có các khoảng thời gian từ trồng đến lúc đủ tiêu chuẩn xử lý ra hoa, thời gian từ xử lý

đến ra hoa, thời gian từ xử lý ra hoa đến thu hoạch không có sự khác nhau đáng kể ở hai địa điểm trồng (chênh lệch từ 1-3 ngày) và đều ngắn hơn so với các khoảng thời gian tương ứng của giống dưa cayen Trung Quốc. Các kết quả nghiên cứu thu được trên phù hợp với kết quả nghiên cứu của các tác giả: Vũ Mạnh Hải, Nguyễn Quốc Hùng (2009) và D.P. Bartholomew, R.E. Paull và K.G. Rohrbach (2003); Nguyễn Quốc Hùng và cs (2010).

3.2. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của giống dưa cayen H180

Kết quả đánh giá các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất và năng suất của giống dưa cayen H180 được trình bày tại các bảng 3 và 4.

Bảng 3. Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của giống dưa cayen H180 tại Quỳnh Lưu - Nghệ An trong các năm 2008 - 2011

TT	Giống khảo nghiệm	Tỷ lệ ra hoa* (%)	Khối lượng quả* (kg)	Năng suất thực thu (tấn/ha)			
				Vụ thứ nhất 6/2008	Vụ thứ hai 12/2009	Vụ thứ ba 7/2010	Vụ thứ tư 11/2011
1	Cayen H180	89,3	1,62	70,7	72,9	73,5	73,8
2	Cayen Trung Quốc	80,9	1,49	62,6	61,9	61,4	62,3
CV%		0,8	1,4	0,2	0,7	1,3	1,5
LSD _{.05}		3,04	0,86	0,62	1,87	3,07	3,02

Ghi chú: * Tính trung bình của 4 vụ trồng khảo nghiệm.

Bảng 4. Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của giống dưa H180 tại Đồng Giao - Ninh Bình trong các năm trồng 2009 - 2013

TT	Giống khảo nghiệm	Tỷ lệ ra hoa* (%)	Khối lượng quả* (kg)	Năng suất thực thu (tấn/ha)				
				Vụ thứ nhất 12/2009	Vụ thứ hai 7/2010	Vụ thứ ba 11/2011	Vụ thứ tư 7/2012	Vụ thứ năm 12/2013
1	Cayen H180	90,2	1,65	72,5	73,8	74,9	73,6	73,9
2	Cayen Trung Quốc	83,6	1,52	64,3	63,7	64,0	63,6	63,8
CV%		1,1	1,9	0,6	0,8	0,9	0,8	0,7
LSD _{.05}		4,16	0,12	1,65	2,14	2,11	2,12	2,13

Ghi chú: * Tính trung bình của 5 vụ trồng khảo nghiệm.

Tại điểm khảo nghiệm Quỳnh Lưu - Nghệ An, tỷ lệ ra hoa của cả 2 giống dưa đều khá cao (80,9 - 89,3%), trong đó giống dưa cayen H180 có tỷ lệ ra hoa cao hơn giống cayen Trung Quốc. Khối lượng trung bình quả của giống dưa cayen H180 cũng cao hơn giống cayen Trung Quốc (1,62kg/quả với giống H180 và 1,49 kg/quả với giống cayen Trung Quốc).

Qua 4 vụ thu hoạch, năng suất của giống dưa cayen H18 khá cao và ổn định qua các vụ trồng, dao động từ 70,7 tấn/ha (năm 2008) đến 73,8 tấn/ha (năm 2011) và cao hơn so với giống dưa cayen Trung Quốc (đạt từ 61,6 tấn/ha đến 62,6 tấn/ha).

Tại điểm khảo nghiệm Đồng Giao - Ninh Bình, các chỉ tiêu tỷ lệ ra hoa, khối lượng trung bình quả và năng suất của cả 2 giống dưa đều cao hơn so với điểm ở Quỳnh Lưu - Nghệ An. Với giống H180, tỷ lệ ra hoa và khối lượng trung bình quả của giống đạt 90,2% và 1,65 kg/quả, trong lúc các giá trị tương ứng tại điểm trồng Quỳnh Lưu - Nghệ An là 83,6% và 1,52 kg/quả.

Trong hai giống dưa khảo nghiệm, giống dưa cayen H180 có các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất thực thu đều cao hơn giống cayen Trung Quốc. Tỷ lệ ra hoa của giống dưa cayen H180 đạt 90,2%, trong khi giống cayen Trung Quốc chỉ đạt 83,6%, khối lượng trung bình quả của giống dưa cayen H180 đạt 1,65kg, giống cayen Trung Quốc

đạt 1,52 kg. Năng suất thực thu của giống dưa cayen H180 đạt từ 72,5 - 74,9 tấn/ha, cayen Trung Quốc đạt 63,6-64,3 tấn/ha qua 5 vụ khảo nghiệm. 9 vụ khảo nghiệm ở 2 địa điểm khác nhau đều có cùng một kết quả là năng suất của giống dưa cayen H180 khá ổn định và cao hơn so với giống đối chứng cayen Trung Quốc.

3.3. Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng quả của giống H180

Song song với việc đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống, chúng tôi tiến hành phân tích chất lượng quả tại hai địa điểm khảo nghiệm, số liệu bảng 5 được thực hiện ở vụ quả năm 2013.

Kết quả phân tích cho thấy, giống dưa cayen H180 có các chỉ tiêu chất lượng quả đạt được tương đương hoặc cao hơn chút ít so với giống dưa cayen Trung Quốc ở cả 2 địa điểm trong đó hai chỉ tiêu quan trọng là hàm lượng chất khô và hàm lượng đường tổng số đều có giá trị cao hơn rõ rệt (giống H180 có hàm lượng chất khô đạt 17,35 - 17,47%, hàm lượng đường tổng số đạt 14,33 - 14,64%). Chất lượng của các giống dưa trồng khảo nghiệm đạt được gần tương tự như chất lượng quả của các giống dưa cayen trong nghiên cứu của các tác giả: Nguyễn Thị Ngọc Diễm, Bùi Thùy Trang, Lê Thị Chung, Nguyễn Văn Hùng, Đào Thị Bé Bảy, Phạm Ngọc Liễu (2007). Một điểm đáng lưu ý là hàm

lượng axit tổng số của giống cayen H180 (1,55 - 1,62%) lại thấp hơn so với giống cayen Trung Quốc (1,84 - 1,85%) tạo nên vị ngọt đậm khi sử dụng ăn tươi, phù hợp với khẩu vị người tiêu dùng nội địa, điều này cũng góp phần làm tăng ưu thế của giống bên cạnh mục đích chế biến phục vụ xuất khẩu.

Bảng 5. Một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng quả của giống dứa H180 tại các điểm trồng khảo nghiệm (vụ trồng T11/2011 - thu hoạch quả T6/2013)

TT	Địa điểm thí nghiệm và giống trồng	Chất khô (%)	Đường tổng số (%)	Vitamin C (mg/100g)	Axit tổng số (%)	Độ Brix (%)
1	Đông Giao - Ninh Bình					
	Cayen H180	17,35	14,33	11,59	1,55	15,47
	Cayen Trung Quốc	16,12	13,14	9,68	1,84	13,89
2	Quỳnh Lưu - Nghệ An					
	Cayen H180	17,47	14,64	11,46	1,62	16,28
	Cayen Trung Quốc	16,02	12,43	9,28	1,85	13,92

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

- Giống dứa cayen H180 có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, độ dài thời gian của các thời kỳ vật hậu ngắn hơn so với giống dứa cayen Trung Quốc trong điều kiện thời tiết khí hậu một số vùng trồng các tỉnh phía Bắc.

- Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của giống dứa cayen H180 ổn định qua các vụ trồng trọt và đều có giá trị cao hơn so với giống dứa cayen Trung Quốc. Trong các năm trồng khảo nghiệm, tỷ lệ ra hoa của giống cayen H180 đạt 90,2%, khối lượng trung bình quả đạt 1,65kg và năng suất đạt từ 72,5 đến 74,9 tấn/ha.

- Các chỉ tiêu chất lượng quả của giống dứa cayen H180 đều đạt tương đương hoặc cao hơn so với giống dứa cayen Trung Quốc ở cả hai điểm trồng khảo nghiệm.

4.2. Đề nghị

Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện một số biện pháp kỹ thuật canh tác cho giống dứa cayen H180

để bổ sung giống vào cơ cấu các giống dứa trồng ở các tỉnh phía Bắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Thị Ngọc Diễm, Bùi Thùy Trang, Lê Thị Chung, Nguyễn Văn Hùng, Đào Thị Bé Bảy, Phạm Ngọc Liễu, 2007. *So sánh năng suất, phẩm chất và đánh giá tính thích nghi của các dòng dứa cayen (Ananas comusus L.) thu thập trong và ngoài nước.* Kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ rau hoa quả 2005 - 2006, Viện Nghiên cứu Cây ăn quả miền Nam, Nhà xuất bản Nông nghiệp, thành phố Hồ chí Minh.

Vũ Mạnh Hải, Nguyễn Quốc Hùng, 2009. Báo cáo kết quả trồng so sánh một số giống dứa mới có triển vọng. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ nông nghiệp Việt Nam*, số 1/2009.

Nguyễn Quốc Hùng, Đào Kim Thoa, Nguyễn Thị Thu Hương, Đoàn Đức Hoàng, 2010. *Kết quả nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật hoàn thiện quy trình công nghệ canh tác dứa cayen ứng dụng công nghệ cao tại Nghệ An.* Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học.

D.P. Bartholomew, R.E. Paull and K.G. Rohrbach, 2003. *The Pineapple - Botany, production and used.* CABI Publishing, Wallingford, Oxon OX10 8DE, UK.

Adaptation testing of cayen pineapple variety H180 in some Northern provinces

Nguyen Quoc Hung, Dao Kim Thoa

Abstract

Cayen pineapple variety H180 was introduced from Australia and evaluated on adaptability in Quỳnh Lưu, Nghệ An province (2008 -2011 period) and Đông Giao, Ninh Bình province (2009 -2013 period) by the Fruits and Vegetables Research Institute. . Results showed that Cayen pineapple variety H180 had good growth, shorter durations from planting to flowering treatment, and from flowering treatment to harvesting in comparison with Chinese pineapple one, at the same cultivating conditions. In both locations evaluated, Cayen pineapple variety H180 had high and stable yield from the 2nd harvest (72.9 - 74.9 tons/ha in Quỳnh Lưu and Đông Giao respectively), which was higher than the yield of Chinese pineapple variety (61.0 - 64.0 tons/ha). In addition, the quality of H180 variety was similar or a little bit higher in comparison with quality of Chinese one. The high content of total

sugar (14.64% in Quynh Luu and 14.33% in Dong Giao, higher than that of Chinese one) and the low acidity (1.62% in Quynh Luu and 1.55% in Dong Giao, lower than that of Chinese one) obtained from H180 variety, making it suitable not only for export but also for fresh consumption as well.

Key words: Cayen pineapple variety H180, high yield, fresh consumption, processing for export, Ninh Binh province

Ngày nhận bài: 14/3/2016

Ngày phản biện: 16/3/2016

Người phản biện: GS.TS. Vũ Mạnh Hải

Ngày duyệt đăng: 30/3/2016

KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM MỘT SỐ GIỐNG ĐÀO NHẬP NỘI TẠI CÁC TIỂU VÙNG ÔN ĐỐI KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC

Đỗ Sỹ An¹, Nguyễn Quốc Hùng²

TÓM TẮT

Đào là một trong số các cây ăn quả chính ở các vùng có khí hậu ôn đới thuộc các tỉnh miền núi phía Bắc và hiện đang được quan tâm phát triển. Thông qua con đường nhập nội, các giống đào: Flora prince (Mỹ), Vân Nam (Trung Quốc), Ha Ku To (Nhật Bản), Floradawn (Mỹ) và giống đào chín sớm ĐCS1 đã được đưa vào trồng khảo nghiệm tại các điểm Sa Pa - Lào Cai, Sìn Hồ - Lai Châu, Đông Văn - Hà Giang từ năm 2013. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các giống đào khảo nghiệm đều có khả năng sinh trưởng khỏe, ra hoa đậu quả tốt, phù hợp với điều kiện tự nhiên của các vùng khí hậu ôn đới, đặc biệt là giống Flora Prince nhập nội từ Mỹ. Thời gian thu hoạch quả của các giống khác nhau trong đó giống Flora Prince cho thu hoạch sớm nhất, tương tự như giống đào chín sớm ĐCS1. Khối lượng trung bình quả đạt được lớn nhất ở giống Flodadawn (91,3 - 101,3 gam). Ở năm thứ 3 sau trồng, năng suất thu được của các giống đạt được từ 5,1 kg quả/cây ở giống Ha Ku Tô tại điểm trồng Sìn Hồ - Lai Châu đến 7,56 kg quả/cây ở giống Flora prince tại điểm trồng Sa Pa - Lào Cai. Giống Ha Ku To chất lượng quả ngon, mã quả đẹp, tuy nhiên giống lại có năng suất thấp, thời gian bảo quản ngắn và bị ruồi đục quả gây hại nặng. Trong các giống khảo nghiệm, giống Flora Prince có khả năng sinh trưởng khỏe, thời gian bắt đầu cho thu hoạch quả sớm và có tiềm năng cho năng suất cao, rất có triển vọng bổ sung vào cơ cấu các giống đào trồng cho các vùng trồng cây ăn quả ôn đới tập trung ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Từ khóa: Cây ăn quả ôn đới, trồng khảo nghiệm, giống đào Flora prince, thu hoạch sớm, tỉnh Lào Cai

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các tỉnh miền núi phía Bắc có khoảng 12.500 ha cây ăn quả ôn đới (mận, mơ, hồng, đào, lê, táo...) và ước tính có khoảng 150.000 ha thích hợp cho phát triển cây ăn quả ôn đới (Hà Minh Trung, Lê Đức Khánh, 2003), trong đó, đào là một trong các cây ăn quả chính, hiện đang được một số tỉnh quan tâm mở rộng diện tích trồng. Hàng năm chúng ta phải nhập khẩu một lượng khá lớn các sản phẩm quả ôn đới từ các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Úc... và sức tiêu thụ các sản phẩm quả có xuất xứ ôn đới rất cao. Một số các tiểu vùng khí hậu ôn đới thích hợp cho việc trồng và phát triển các loại cây ăn quả ôn đới như: Sa Pa - Lào Cai, Sìn Hồ - Lai Châu, Phong Thổ - Lai Châu, Mộc Châu - Sơn La, Đông Văn - Hà Giang... vẫn chưa được quan tâm, phát triển một cách thích đáng, hiện đang trồng chủ yếu giống đào địa phương, chất lượng quả kém, giá trị kinh tế thấp, quả chín muộn và bị ruồi đục quả gây hại nhiều (Nguyễn Văn Tuất, Ngô Vĩnh Viễn, Đặng Vũ Thị Thanh, Lê Văn Trịnh, Lê Đức Khánh,

2006). Trong những năm gần đây, một số giống đào đã được nhập về trồng khảo nghiệm theo nhiều con đường khác nhau, nhưng việc phát triển cây đào còn mang tính tự phát, chưa phát huy hết lợi thế về điều kiện tự nhiên của khu vực, chưa có bộ giống phong phú thích hợp với từng vùng. Xuất phát từ thực tế khách quan nêu trên, đề tài Khảo nghiệm các giống đào nhập nội cho một số tiểu vùng khí hậu ôn đới khu vực miền núi phía Bắc" được tiến hành. Kết quả khảo nghiệm nhằm tuyển chọn được bộ giống đào thích hợp cho các vùng sinh thái có khí hậu ôn đới miền núi phía Bắc.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu, địa điểm nghiên cứu

- Các giống đào đưa vào trồng khảo nghiệm bao gồm: Flora prince (Mỹ), Vân Nam (Trung Quốc), Ha Ku To (Nhật Bản), Floradawn (Mỹ), giống đối chứng là ĐCS1 đã được Bộ NN và PTNT công nhận giống sản xuất thử.

- Thí nghiệm trồng khảo nghiệm được thực hiện

¹ Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc; ² Viện Nghiên cứu Rau quả